CTCP Thủy điện Thác Mơ (HSX: TMP)

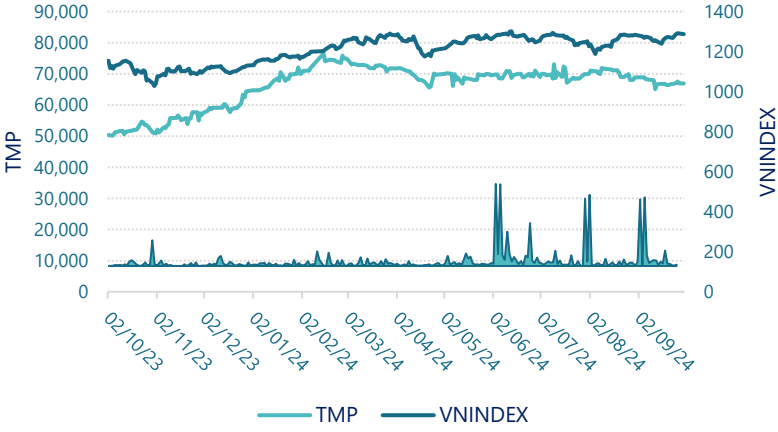

Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**66,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	76,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	50,173
SL cổ phiếu LH	70,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,155
% sở hữu nước ngoài	0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,683
P/E	14.0
EPS	4,785

DT thuần

Q3/24

256

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 93.0| 57.1%

YoY: ▲ 28.0| 12.3%

LN sau thuế

Q3/24

132

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 57.1| 75.8%

YoY: ▲ 16.0| 13.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/24

65.3%

+/- YoY: ▲ 0.6%

DT thuần

9T 2024

531

tỷ VNĐ

YoY: ▼104| -16.4%

LN sau thuế

9T 2024

246

tỷ VNĐ

YoY: ▼106| -30.1%

ROE

Q3/24

19.6%

+/- YoY: ▼ 8.8%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

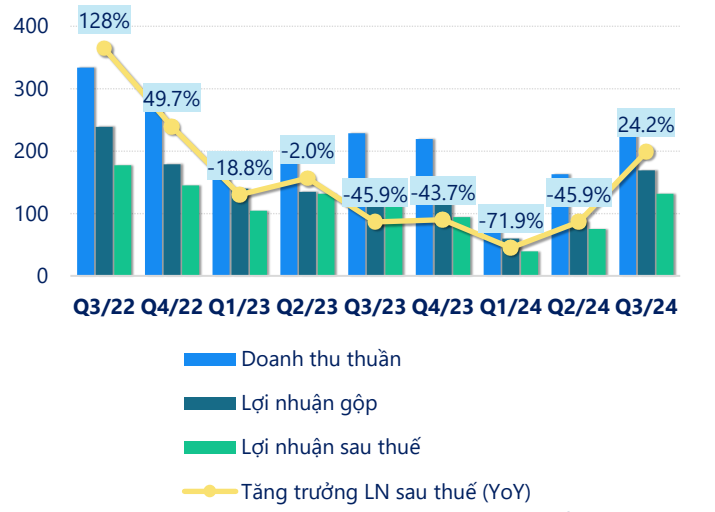

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

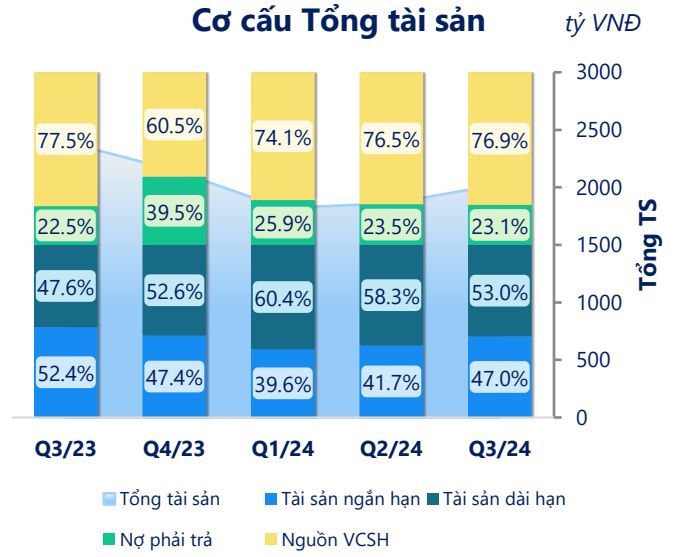

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

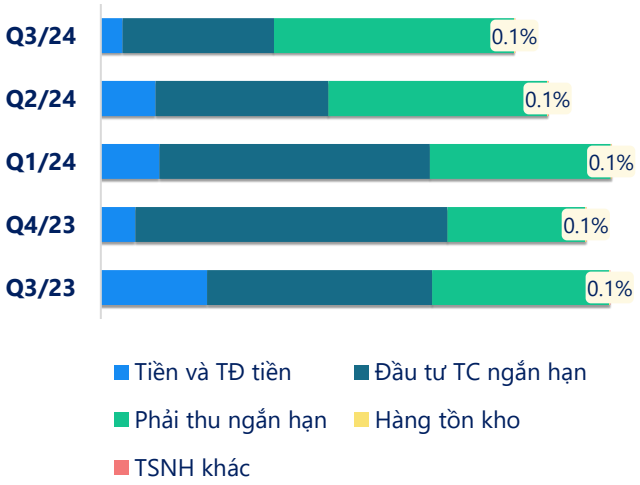

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

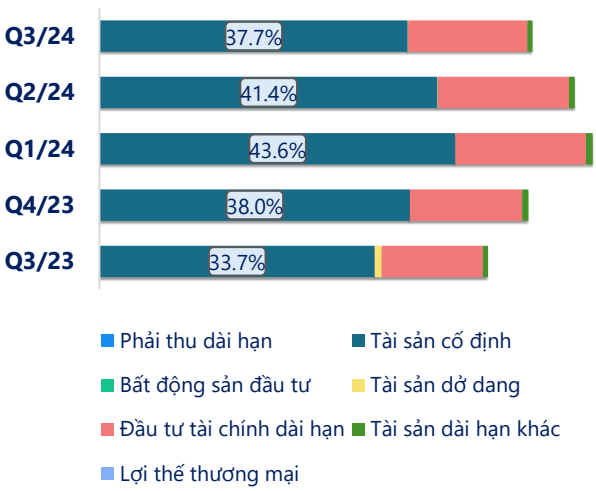

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

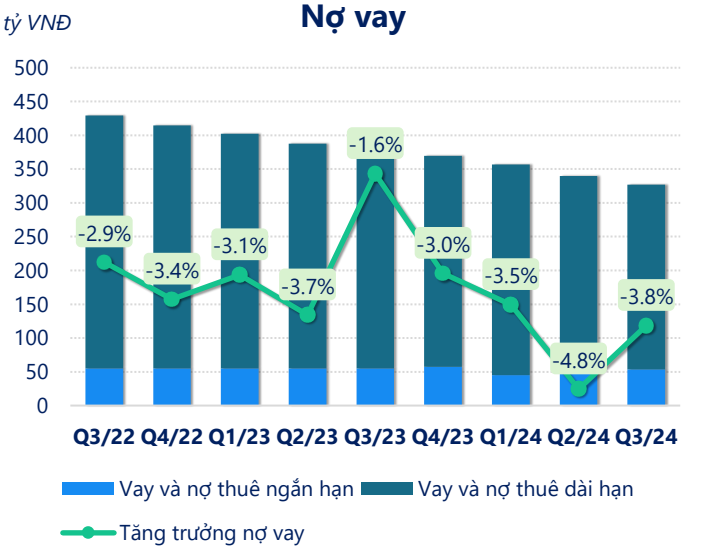

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

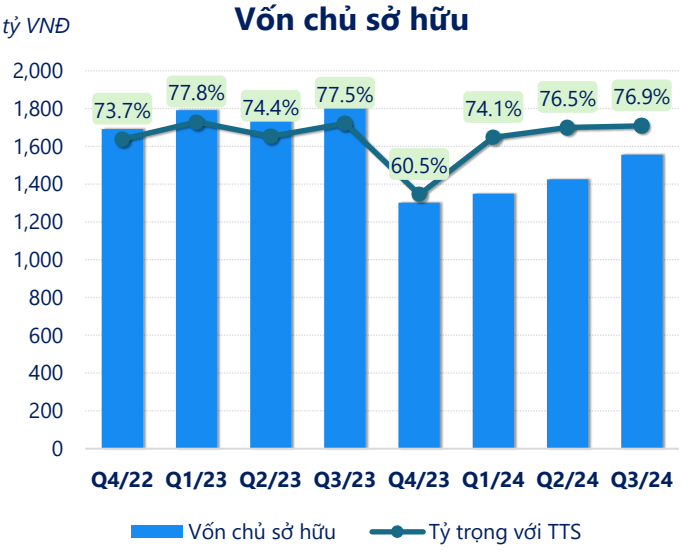

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

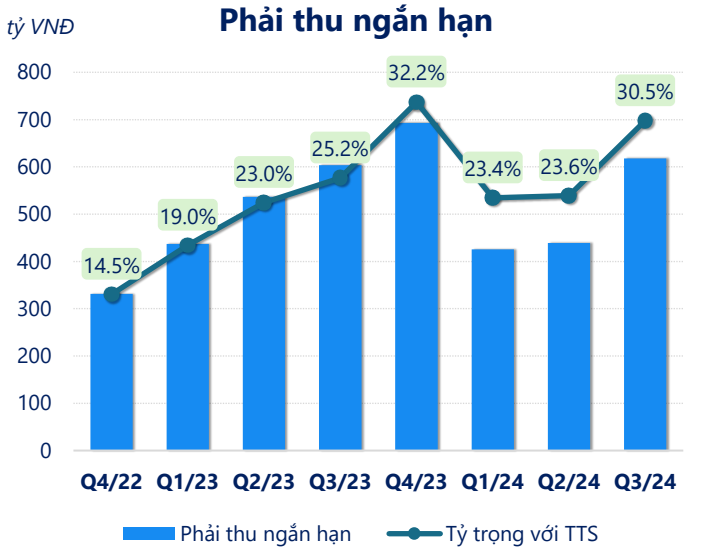

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

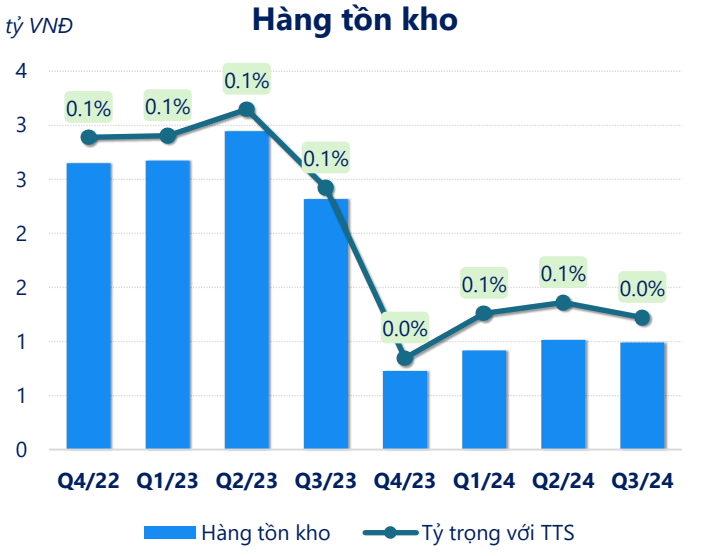

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

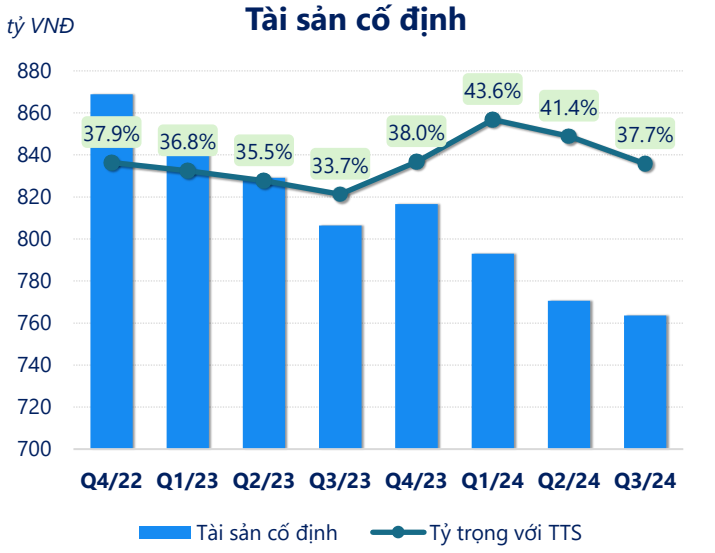

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

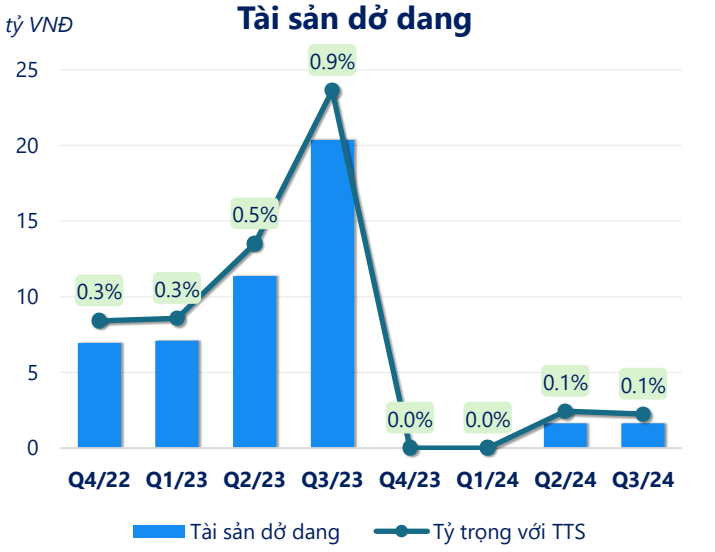

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

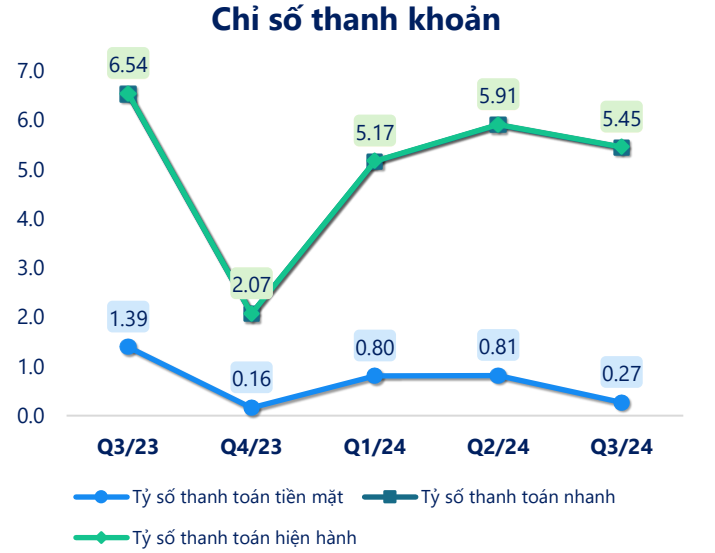

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

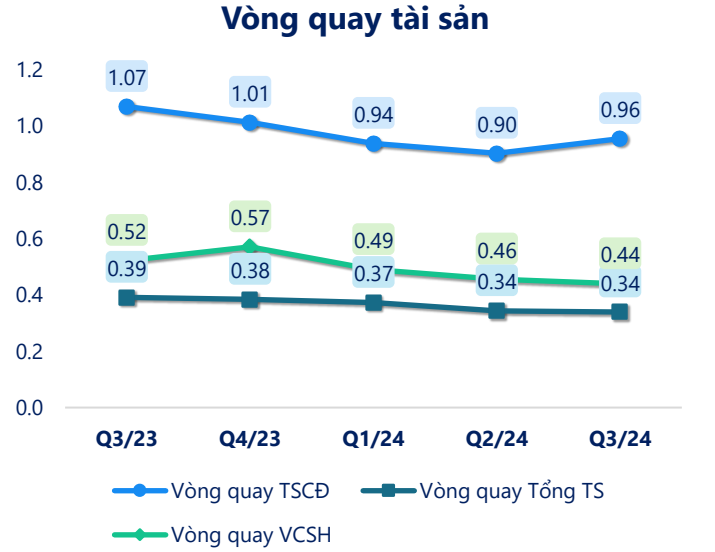

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	**2,394**	**2,150**	**1,820**	**1,863**	**2,025**
Tài sản ngắn hạn	**1,254**	**1,020**	**720**	**778**	**951**
Tiền và tương đương tiền	267	78.1	112	107	46.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	380	247	181	228	283
Phải thu ngắn hạn	604	693	425	439	618
Hàng tồn kho	2.32	0.73	0.92	1.01	0.99
Tài sản ngắn hạn khác	1.43	1.61	1.30	2.11	2.54
Tài sản dài hạn	**1,140**	**1,130**	**1,100**	**1,085**	**1,074**
Phải thu dài hạn	0.85	0.85	0.85	0.90	0.90
Tài sản cố định	806	817	793	771	764
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	20.4	0	0	1.63	1.63
Đầu tư tài chính dài hạn	297	296	291	299	296
Tài sản dài hạn khác	15.5	16.0	15.2	13.6	12.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**539**	**849**	**472**	**438**	**468**
Nợ ngắn hạn	**192**	**493**	**139**	**132**	**174**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	54.9	57.4	44.9	53.9	53.6
Phải trả người bán ngắn hạn	8.38	29.2	9.80	10.2	9.06
Nợ dài hạn	347	355	332	306	294
Vay và nợ thuê dài hạn	326	312	312	286	273
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,855**	**1,301**	**1,349**	**1,425**	**1,557**
Vốn chủ sở hữu	**1,855**	**1,301**	**1,349**	**1,425**	**1,557**
Vốn điều lệ	700	700	700	700	700
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)